



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh An Giang

Số 52

Ngày 27 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

23/06/2025	Quyết định số 1039/QĐ-UBND Ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh An Giang	3
------------	---	---

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1039/QĐ-UBND

An Giang, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên
môi trường điện tử tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 605/KH-UBND ngày 21/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Triển khai thực hiện Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

Căn cứ Kế hoạch số 594/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1084/TTr-SKHCN ngày 06/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh An Giang, gồm các nhóm chỉ số:

1. Nhóm chỉ số về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành hàng ngày, hàng tháng.
2. Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm.
3. Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia.
4. Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành; Chi cục Thống kê tỉnh, Chi Cục thuế Khu vực XIX, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15; các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân Cấp huyện, xã.

a) Kịp thời cung cấp, cập nhật thông tin, phân tích, dự báo thông tin, dữ liệu về các chỉ số tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm về tính chuẩn hoá, chính xác, thống nhất, an toàn, bảo mật, liên tục, thông suốt về thông tin, dữ liệu của các chỉ số được giao cung cấp, tích hợp, kết nối, chia sẻ.

Lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức tham gia Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh An Giang kịp thời cập nhật thông tin, dữ liệu, thời gian quy định cập nhật các chỉ số tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này đảm bảo chính xác phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, hướng dẫn thực hiện.

b) Xây dựng, lựa chọn các chỉ số thành phần cốt lõi phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án trọng điểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Định kỳ hàng tháng rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung chỉ số tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này: Chủ động, phối hợp với Sở Khoa học và Công

nghe kịp thời tạo lập, cập nhật trên Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động tỉnh An Giang.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các đơn vị, địa phương dựa trên dữ liệu số; việc gửi, nhận văn bản điện tử và thực hiện giao, tổng hợp các số liệu, chế độ báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động tỉnh An Giang; kiến nghị, đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm đôn đốc thực hiện, khắc phục tồn tại, hạn chế, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật hành chính và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu, đề xuất nâng cấp, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh tích hợp, hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành tỉnh An Giang và kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; điều phối, tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu các chỉ số, nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của các đơn vị, địa phương phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định pháp luật.

b) Phối hợp với Công an tỉnh bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ việc cung cấp, kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tạo lập, cập nhật các chỉ số tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động tỉnh An Giang.

d) Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

4. Công an tỉnh

Hướng dẫn Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đảm bảo an toàn thông tin mạng khi thực hiện nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành tỉnh An Giang.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, cơ quan liên quan bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan phân tích, dự báo thông tin, dữ liệu về các chỉ số tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phối hợp với các Sở, Ban, ngành và cơ quan liên quan xác định các chỉ số thành phần để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện các chỉ tiêu, các chương trình, dự án trọng điểm giai đoạn 2024 - 2025.

d) Tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý, chỉ đạo, điều hành.

6. Ủy ban nhân dân các địa phương

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương ban hành Bộ chỉ số theo dõi giám sát về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chi cục Thống kê tỉnh, Chi cục Thuế khu vực XIX, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15, các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hồ Văn Mừng

PHỤ LỤC**BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRÊN
MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ TỈNH AN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23/6/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
A	Nhóm chỉ số về kinh tế -xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành hàng ngày, hàng tháng							
I	Chỉ số giá							
1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng (so với tháng trước, so với tháng 12 năm trước, so với cùng kỳ năm trước...)							
1.1	So với tháng trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.2	So với tháng 12 năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.3	So với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
3	Chỉ số giá vàng (so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước...)							
3.1	So với tháng trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.2	So với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.3	Bình quân so với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Chỉ số giá đô la Mỹ (so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước...)							
4.1	So với tháng trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.2	So với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo,	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.3	Bình quân so với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
II Tài chính - ngân sách nhà nước								
1	Thu ngân sách (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán,...)							
1.1	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Ngày/ Tháng/Năm	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.2	So sánh với dự toán	%	Toàn tỉnh	Ngày/ Tháng/Năm	Tỉnh	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Chi ngân sách (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với dự toán,...)							
2.1	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Năm	Các khoản chi chủ yếu	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
2.2	So sánh với dự toán	%	Toàn tỉnh	Tháng/Năm	Tỉnh	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Giải ngân vốn đầu tư công	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành, Cấp huyện, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác NSNN (tổng thu các sắc thuế: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN,... các loại phí, lệ phí và khoản thu khác)							
4.1	Tổng thu các sắc thuế	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Chi cục Thuế khu vực XIX	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.2	Thuế GTGT	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Chi cục Thuế khu vực XIX	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.3	Thuế TNDN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Chi cục Thuế khu vực XIX	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
4.4	Thuế TNCN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Chi cục Thuế khu vực XIX	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.5	Thuế các loại phí, lệ phí	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Chi cục Thuế khu vực XIX	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.6	Khoản thu khác	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/ Sắc thuế	Chi cục Thuế khu vực XIX	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5	Xuất nhập khẩu (trị giá xuất khẩu, nhập khẩu và cân cân thương mại hàng hóa; số lượng doanh nghiệp xuất nhập khẩu)							
5.1	Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu và cân cân thương mại hàng hóa	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Ngày/ Tháng	Nước, vùng lãnh thổ/Mặt hàng	Cục Hải quan tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5.2	Số lượng doanh nghiệp xuất nhập khẩu	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Ngày/ Tháng	Nước, vùng lãnh thổ/Mặt hàng	Cục Hải quan tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
6	Gạo xuất cấp hỗ trợ các địa phương	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng/ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Mục đích	Sở Tài chính		
III Ngân hàng								
1	Tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ	%	Toàn tỉnh	Ngày	Tỉnh	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Lãi suất tiền gửi và cho vay	%	Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD/kỳ hạn	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Lãi suất liên ngân hàng	%	Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD/kỳ hạn	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Tổng phương tiện thanh toán	Phương tiện	Toàn tỉnh	Tháng	VNĐ, USD	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)/ tỉnh thành phố/loại hình kinh tế	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
IV	Tài chính							
1	Doanh nghiệp (đang hoạt động; thành lập mới; số vốn đăng ký; quay trở lại hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; chờ làm thủ tục giải thể; giải thể...)							
1.1	Đang hoạt động;	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.2	Thành lập mới	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.3	Số vốn đăng ký;	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.4	Quay trở lại hoạt động	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.5	Tạm ngừng kinh doanh	Đơn vị	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
3.1	Đang hoạt động	HTX	Toàn tỉnh	6 Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.2	Thành lập mới	HTX	Toàn tỉnh	6 Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.3	Vốn điều lệ	Triệu đồng	Toàn tỉnh	6 Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.4	Giải thể	HTX	Toàn tỉnh	6 Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (thành lập, điều chỉnh; thu hút đầu tư; đầu tư kết cấu hạ tầng; bảo vệ môi trường; tình hình sản xuất kinh doanh...)							
4.1	Thành lập	Khu	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư	Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
5.1	Vốn thực hiện	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, huyện, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5.2	Tình hình sản xuất kinh doanh;	Tổ chức	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, huyện, xã/ Tỉnh hình	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5.3	Đăng ký đầu tư	Tổ chức	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, huyện, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5.4	Đầu tư mới	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, huyện, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5.5	Điều chỉnh vốn	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, huyện, xã	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5.6	Góp vốn mua cổ phần	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC),	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
					tỉnh, huyện, xã		báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
6	Đầu tư ra nước ngoài (đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, tăng vốn...)							
6.1	Đăng ký đầu tư	Tổ chức	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Nước tiếp nhận đầu tư	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
6.2	Đầu tư mới	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Nước tiếp nhận đầu tư	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
6.3	Tăng vốn	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Nước tiếp nhận đầu tư	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
7	Dự án đầu tư công (số lượng dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân theo dự án...)							
7.1	Số lượng dự án	Dự án	Toàn tỉnh	Quý	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
7.2	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Quý	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
7.3	Giải ngân theo dự án	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Quý	Phân ngành kinh tế/ Tỷ lệ	Sở Tài chính	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
V	Công Thương							
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu							
2.1	Đá xây dựng các loại	m ³	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.2	Khai thác quặng các loại	tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.3	Bia, đồ uống các loại	lít	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.4	Sản phẩm may mặc	sp	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.5	Giấy các loại	tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.6	Gạch các loại	Triệu viên	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.7	Xi măng	Nghìn tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.8	Nước máy	m ³	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.9	Sản phẩm điện tử	Sản phẩm	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.10	Kết cấu thép, các sản phẩm từ kim loại	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.11	Các sản phẩm từ gỗ các loại	m ³	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Điện năng (nguồn, phụ tải, năng lượng tái tạo...)							
3.1	Điện sản xuất	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Nguồn, phụ tải	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Năng lượng tái tạo	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.2	Điện thương phẩm	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Nguồn, phụ tải	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Năng lượng tái tạo	kWh	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Sở Công thương	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Xăng dầu (sản lượng tiêu thụ; sản xuất trong nước, nhập khẩu...)							
4.1	Số lượng cửa hàng xăng dầu	Cửa hàng	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Sở Công thương	Nhập hệ thống thông tin	

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
2.1	Nhập khẩu các sản phẩm chế biến	Tiền	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.2	Nhập khẩu gỗ	Tiền	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Xuất khẩu gạo	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Sản lượng lúa	Tấn	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (nông thôn mới, nâng cao, kiểu mẫu..)							
5.1	Nông thôn mới	%	Toàn tỉnh	Tháng	Cấp huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

[illegible]

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
1.1	Bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm hàng chủ yếu	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.2	Dịch vụ lưu trú ăn uống	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm dịch vụ chủ yếu	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.3	Dịch vụ lữ hành	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm dịch vụ chủ yếu	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.4	Dịch vụ kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm dịch vụ chủ yếu	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.5	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Nhóm dịch vụ chủ yếu	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Số lượt khách quốc tế đến (hàng)	Lượt khách	Toàn tỉnh	Tháng	Châu lục, nước, vùng lãnh thổ	Sở Văn hóa, Thể	Nhập hệ thống thông tin	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	<i>không, đường bộ...</i>					thao và Du lịch	báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Số lượt khách du lịch nội địa	Lượt khách	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Vận tải hành khách (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)							
4.1	Vận chuyển	Chuyến/hành khách	Tổng số	Tháng	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.2	Luân chuyển	Chuyến/hành khách	Tổng số	Tháng	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5	Vận tải hàng hóa (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)							
5.1	Vận chuyển	Chuyến	Tổng số	Tháng	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
1	Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN							
1.1	Bảo hiểm xã hội							
-	Số người tham gia BHXH	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIVIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	%	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIVIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.2	Bảo hiểm thất nghiệp							
-	Số người tham gia BHTN	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIVIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN	%	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIVIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.3	Số người tham gia BHYT	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIVIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo,	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.4	Tỷ lệ bao phủ BHYT so với dân số	%	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Số người hưởng BHXH, BHYT, BHTN							
2.1	Số người giải quyết hưởng mới chế độ BHXH							
-	Số người hưởng BHXH hàng tháng	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số người hưởng trợ cấp BHXH một lần	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số người hưởng chế độ ốm đau	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số người hưởng chế độ thai sản	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội	Nhập hệ thống thông tin báo cáo,	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
						Khu vực XXXIV	tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số người hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.2	Số người giải quyết thương mại chế độ BHTN	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.3	Số người khám chữa bệnh BHYT	Lượt người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Thu BHXH, BHYT, BHTN							
3.1	Thu BHXH	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.2	Thu BHTN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội	Nhập hệ thống thông tin	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
						Khu vực XXXIV	báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.3	Thu BHYT	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Chi trả BHXH, BHYT, BHTN							
4.1	Chi BHXH							
	Chi BHXH nguồn NSNN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
	Chi BHXH nguồn quỹ BHXH	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.2	Chi BHTN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
4.3	Chi BHYT	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, (hoặc xã)	Bảo hiểm xã hội Khu vực XXXIV	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
X	Quản lý xã hội, an ninh trật tự, thanh tra							
1	Dân cư (giới tính; thành thị, nông thôn; dân tộc; tôn giáo; tỷ trọng dân số; thẻ CCCD đã cấp; tài khoản định danh điện tử)							
1.1	Giới tính	người	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.2	Dân tộc	người	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.3	Tôn giáo	người	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.4	Tỷ trọng dân số	%	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.5	Thẻ CCCD đã cấp	người	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.6	Tài khoản định danh điện tử	Tài khoản	Toàn tỉnh	Tháng		Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Về công tác phòng chống tội phạm							
2.1	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.2	Tỷ lệ điều tra khám phá án (án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng)	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.3	Cơ cấu tội phạm (tội phạm về trật tự xã hội; tội phạm về kinh tế, tham nhũng; tội phạm về ma túy; tội phạm về công nghệ cao)	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
3	Xuất nhập cảnh							
3.1	Xuất nhập cảnh qua đường hàng không	Lượt	Toàn tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.2	Xuất nhập cảnh qua đường bộ	Lượt	Toàn tỉnh	Tháng	Nước, vùng lãnh thổ	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Phòng cháy, chữa cháy (số vụ, số người chết, bị thương, thiệt hại...)							
4.1	Số vụ cháy, nổ	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.2	Số người tử vong	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.3	Số người bị thương	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
4.4	Thiệt hại tài sản	Đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5	An toàn giao thông (số vụ tai nạn; số người chết; số người bị thương)							
5.1	Số vụ tai nạn	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5.2	Số người tử vong;	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5.3	Số người bị thương	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã, xã	Công an tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
6	Dịch bệnh nhóm A, B theo Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm (số người nhiễm, số người tử vong...)							
6.1	Số người nhiễm	người	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
8.1	Số ngộ độc thực phẩm	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
8.2	Số lượng ngộ độc thực phẩm	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
8.3	Số lượng tử vong	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
9	Công tác thanh tra (thanh tra hành chính; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; kế hoạch thanh tra...)							
9.1	Thanh tra hành chính	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
9.2	Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành	Cuộc	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Thanh tra tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
1.1	Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng,	Người	Toàn tỉnh	Quý/06 tháng/cả năm	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.2	Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, giao dịch việc làm,	Người	Toàn tỉnh	Quý/06 tháng/cả năm	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.3	Lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Người	Toàn tỉnh	Quý/06 tháng/cả năm	Nước, vùng lãnh thổ	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Giáo dục nghề nghiệp (cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tuyển mới, tốt nghiệp,...)							
2.1	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.2	Tuyển mới	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập, giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
2.3	Tốt nghiệp	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập, giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có dạy nghề cho người khuyết tật							
3.1	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có dạy nghề cho người khuyết tật	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.2	Số người khuyết tật tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp có dạy nghề	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Bảo trợ xã hội (số người được trợ cấp xã hội hàng tháng; số người/hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng; số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận; số người khuyết tật được cấp thẻ bảo hiểm y tế...)							
4.1	Số người được trợ cấp xã hội hàng tháng	Người	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4.2	Số hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng	Hộ	Toàn tỉnh	Tháng/ Quý/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							động của tỉnh	
4.3	Số người/hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5	Cơ sở giáo dục và đào tạo	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
6	Giáo dục và đào tạo (<i>Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên</i>)							
6.1	Giáo dục Mầm non							
-	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
					lập/ nữ/ dân tộc		báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số học sinh	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
6.2	Giáo dục Tiểu học							
-	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số học sinh	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo,	

[illegible]

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
-	Số trường	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số học viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
6.5	Giáo dục đại học							
-	Số trường	Cơ sở	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11 hàng năm	Công lập/ ngoài công lập	Các Trường đại học/Cao đẳng	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
-	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập/ ngoài công lập	Các Trường đại học/Cao đẳng	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Các Trường đại học/Cao đẳng	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số học viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng 7, 11	Công lập, ngoài công lập/ nữ/ dân tộc	Các Trường đại học/Cao đẳng	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
XII Nội vụ - Cải cách hành chính, chuyển đổi số								
1	Công chức, viên chức (<i>biên chế hưởng lương từ NSNN; biên chế được giao; biên chế thực hiện; số tuyển mới, số nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác ra khỏi cơ quan...</i>)							
1.2	Công chức	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.3	Viên chức	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
1.4	Biên chế công chức hưởng lương từ NSNN	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.5	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.6	Biên chế được giao	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.7	Biên chế thực hiện	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.8	Số tuyển mới,	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
1.9	Số nghỉ hưu,	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.10	Số thôi việc,	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.11	Số chuyển công tác ra khỏi cơ quan...	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Số người sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn tỉnh, mức độ một phần	người	Toàn tỉnh	Tháng	Toàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ		
-	Dân số trung bình của kỳ báo cáo	người	Toàn tỉnh	Năm	Toàn tỉnh	Chi Cục Thống kê tỉnh		

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
3	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh	%	Toàn tỉnh	06 tháng/năm	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
6	Nhóm chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
7	Nhóm chỉ số theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	%	Toàn tỉnh	Tháng	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Văn phòng UBND tỉnh	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
8	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh và của các sở, ngành, địa phương	Điểm	Toàn tỉnh	Năm	Sở, ngành/ Cấp huyện, xã	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
XIII	Nhóm chỉ số theo dõi giám sát về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương	Chỉ số	Huyện		Huyện, xã	UBND Cấp huyện, xã	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	Cấp huyện, xã xác lập chỉ số này
B	Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm							
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm GRDP	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
-	Công nghiệp, xây dựng	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Dịch vụ	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	GDP bình quân đầu người; GRDP bình quân đầu người	%	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Cơ cấu kinh tế							

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
-	Khu vực 1 (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Khu vực 2 (Công nghiệp, xây dựng)	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Khu vực 3 (Dịch vụ)	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Toàn tỉnh	Tháng/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
6	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
7	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh	Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
9	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh	Chi cục Thống kê, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
10	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	%	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
11	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	Toàn tỉnh	năm	Huyện/thành phố	Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
12	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Số giường	Toàn tỉnh	năm	Huyện/thành phố	Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Huyện/thành phố	Sở Y tế	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
14	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi	%	Toàn tỉnh	Năm		Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
-	Trẻ vào học mẫu giáo							

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
-	Học sinh tiểu học							
-	Học sinh THCS							
-	Học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT và giáo dục nghề nghiệp							
15	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Huyện/thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
16	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	Toàn tỉnh	Quý/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
C.	Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia							
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	Chương trình	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Cấp huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.1	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu,...	%	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Cấp huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.2	Số lượng huyện được	Huyện	Toàn tỉnh	Tháng 12/2025	Cấp huyện, xã	Sở Nông nghiệp và	Nhập hệ thống	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
	công nhận đạt chuẩn nông thôn mới,...					Môi trường	thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Chương trình	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Theo Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi	Chương trình	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Ban Dân tộc	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm giao thông vận tải	Công trình/Dự án	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Xây dựng	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
D.	Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn							
1	Các thông tin về khí tượng thủy văn (<i>số liệu quan trắc khí tượng thủy văn, bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn tại khu vực xảy ra thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn</i>)							
1.1	Số liệu quan trắc khí tượng thủy văn	Thông tin	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							dữ liệu động của tỉnh	
1.2	Dự báo thời tiết	Bản tin	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Tỉnh, huyện, xã/	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
1.3	Cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn tại khu vực xảy ra thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn	Bản tin	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Tỉnh, huyện, xã/	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2	Các thông tin về công trình phòng chống thiên tai (<i>hồ chứa thủy lợi, đê điều, sạt lở bờ sông, bờ biển...</i>)							
2.1	Hồ chứa thủy lợi	Công trình	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
2.2	Đê điều	Công trình	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
2.3	Sạt lở bờ sông	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã/ Tỉnh trạng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3	Các thông tin về dân sinh - kinh tế (<i>dân cư đô thị, dân cư nông thôn, dân cư sản xuất nông nghiệp, hộ gia đình đô thị, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, đất diện tích trồng trọt, diện tích thủy sản, số đầu con trong chăn nuôi, số hộ thiếu đói...</i>)							
3.1	Dân cư đô thị	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Tài chính/Sở Y tế/Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.2	Dân cư nông thôn	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.3	Dân cư sản xuất nông nghiệp	Người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.4	Hộ gia đình đô thị	Hộ	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/ Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Tài chính/Sở Y tế/Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							động của tỉnh	
3.5	Hộ gia đình sản xuất nông nghiệp	Hộ	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.6	Đất diện tích trồng	Ha	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
3.6	Diện tích thủy sản	Ha	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
4	Số hộ/người được hỗ trợ lương thực do thiên tai, hỏa hoạn, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác	Hộ/người	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Cấp huyện, xã	Sở Y tế, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
5	Tổng số gạo hỗ trợ	Hộ	Toàn tỉnh	Tháng/Quý/Năm	Cấp huyện, xã	Sở Y tế, Sở Nội vụ	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
							động của tỉnh	
6	Các dữ liệu về bản đồ và ảnh viễn thám (<i>bản đồ rủi ro thiên tai, sạt lở, ngập lụt, ảnh vệ tinh...</i>)							
6.1	Bản đồ rủi ro thiên tai, sạt lở, ngập lụt	Tờ	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
6.2	Ảnh vệ tinh	Ảnh	Toàn tỉnh	Giờ/Ngày/Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
7	Các thông tin dữ liệu về công trình giao thông vận tải (<i>điểm có nguy cơ sạt lở, lở, bao gồm tọa độ, chiều dài, phương án xử lý...</i>)							
-	Điểm có nguy cơ sạt lở, lở	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã/ Tỉnh hình/ Tọa độ/ Chiều dài/ Phương án xử lý	Sở Xây dựng	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
8	Các thông tin về tàu cá (<i>số lượng tàu, loại tàu, khu vực neo đậu, thông tin về chủ tàu, vị trí hành trình, camera...</i>)							
8.1	Số lượng tàu	Tàu	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

STT	Thông tin, dữ liệu (chỉ số)	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (tần suất)	Phân tổ			
8.2	Khu vực neo đậu	Điểm	Toàn tỉnh	Ngày/Tháng	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	
8.3	Thông tin về tàu	Tàu	Toàn tỉnh	Ngày/Tháng	Tỉnh, huyện, xã/Loại/Chủ tàu/Vị trí/Hành trình/camera	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhập hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ : 16C, Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên – AG

Điện thoại : 0296. 3856955

Fax : 0296. 3852037

Email : congbao@angiang.gov.vn

Website : <http://congbao.angiang.gov.vn>